

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **184** /TB-PTQĐ

Quảng Trị, ngày **08** tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

**V/v niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
để GPMB thực hiện dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm
thành phố Đồng Hới tại phường Đồng Hới**

*(Điều chỉnh một số mục đã phê duyệt tại Quyết định số 2105/QĐ-UBND
ngày 17/6/2026 của UBND phường Đồng Hới)*

*Căn cứ các Thông báo số 2659/TB-UBND ngày 21/5/2026 của UBND
phường Đồng Hới về việc Thông báo thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện
dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới (Thông báo
lại đợt 3);*

*Căn cứ Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND phường
Đồng Hới về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà
nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành
phố Đồng Hới tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (bổ sung đợt 8);*

UBND phường Đồng Hới đã ban hành Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới tại phường Đồng Hới. Quá trình thực hiện Quyết định, có 03 hộ gia đình có đơn kiến nghị đề nghị kiểm tra, xác định lại khối lượng tài sản, thời điểm tạo lập tài sản. Trung tâm Phát triển quỹ đất đã làm việc với các hộ, các đơn vị liên quan và lập lại phương án, trong đó điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ một số hạng mục tài sản đã được phê duyệt tại Quyết định 2105/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND phường Đồng Hới.

Căn cứ khoản 3, Điều 87, Luật đất đai năm 2024, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND phường Đồng Hới, tổ chức niêm yết công khai phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và tái định cư như sau:

1. Địa điểm niêm yết công khai:

- Trụ sở UBND phường Đồng Hới;
- Nhà văn hóa TDP Nam Lý 5, phường Đồng Hới;
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử phường Đồng Hới;
- Gửi trực tiếp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng.

2. Thời gian niêm yết công khai: 10 ngày, kể từ ngày 08/9/2026 đến ngày 17/9/2026.

3. Nội dung: Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo.

Trong thời gian niêm yết công khai, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có ý kiến về phương án thì gửi bằng văn bản về Trung tâm Phát triển quỹ đất để Trung



tâm xem xét giải đáp. Địa chỉ gửi về: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị, số 08 Đường Văn Cao, phường Đồng Hới.

Vậy, Trung tâm thông báo để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết để phối hợp thực hiện. Kính đề nghị UBND phường Đồng Hới phối hợp niêm yết công khai phương án tại trụ sở UBND và đăng tải trên trang thông tin điện tử phường đảm bảo quy định pháp luật. /.

Nơi nhận:

- UBND phường Đồng Hới;
- TDP Nam Lý 5 phường Đồng Hới;
- Ban QLDA ĐTXD Công trình Giao thông;
- Lưu: VT, GPMB.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Đăng Hải



PHƯƠNG ÁN CÔNG KHAI BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới
(Điều chỉnh một số mục đã phê duyệt tại Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 của UBND phường Đồng Hới)**

Địa điểm: Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

(Kèm theo Thông báo số: 184 /TB-PTQĐ ngày 08 tháng 9 năm 2026)

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/1/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2003/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực đất đai được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Bình và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 2659/TB-UBND ngày 21/5/2026 của UBND thành phố Đồng Hới về việc Thông báo thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Thông báo lại đợt 3);

Căn cứ Trích đo thu hồi đất từ bản đồ 11, 12 phường Nam Lý do Trung tâm Phát triển quỹ đất lập, được Sở Tài nguyên và môi trường duyệt ngày 23/5/2022;

Căn cứ số liệu kiểm đếm tại biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất bị ảnh hưởng trong phạm vi thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình;

Căn cứ Công văn số 121/KTHT&ĐT ngày 15/01/2026 của phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị phường Đồng Hới về việc xác định điều kiện tồn tại công trình có một phần nằm trong phạm vi thu hồi đất do GPMB thực hiện dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới tại phường Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 1164/UBND-KTHT&ĐT ngày 12/3/2026 của UBND phường Đồng Hới về việc xác định nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 1164/UBND-KTHT&ĐT ngày 12/3/2026 của UBND phường Đồng Hới về việc xác định nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 5264/UBND-KTHT&ĐT ngày 03/9/2026 của UBND phường Đồng Hới về việc xác định nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới tại phường Đồng Hới;

Căn cứ Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND phường Đồng Hới về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (bổ sung đợt 8);

Căn cứ các biên bản kiểm đếm tài sản bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới tại phường Đồng Hới;

Căn cứ các biên bản lập ngày 04/8/2026 và 05/8/2026 về việc giải quyết các kiến nghị của hộ dân do GPMB thực hiện dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới tại phường Đồng Hới;

I. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

- | | |
|--|---|
| 1. Tổng diện tích đất đề nghị thu hồi: | m ² |
| - Đất y tế (DYT) | 597,1 m ² |
| 2. Tổng số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: | 3 Hộ gia đình, cá nhân |
| 3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: | không. |
| 4. Phương án bố trí tái định cư: | Không. |
| 5. Phương án bồi thường bằng đất ở: | Không. |
| 6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: | Không |
| 7. Kinh phí thực hiện phương án: | 16.874.600 đồng |
| 7.1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: | đồng |
| - Kinh phí bồi thường về đất: | 0 đồng |
| - Kinh phí bồi thường về tài sản gắn liền với đất | 16.874.600 đồng |
| - Kinh phí hỗ trợ: | 0 đồng |
| 7.2. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: | Tổng hợp trình phê duyệt đợt cuối. |
| 7.3. Nguồn vốn: | Từ nguồn vốn Dự án Tuyến đường và cầu vượt đường sắt trung tâm TP Đồng Hới. |
| 8. Tiến độ thực hiện phương án: | Sau khi UBND phường phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. |
| 9. Cơ chế thưởng: | Người có đất thu hồi chấp hành tốt chủ trương, chính sách bồi thường GPMB, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ trước hoặc đúng thời hạn trong thời gian 20 ngày kể từ ngày tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ lần đầu và bàn giao mặt bằng trước hoặc đúng thời gian 10 ngày tính từ ngày có Quyết định thu hồi đất của cấp thẩm quyền. Mức thưởng theo quy định tại khoản 3, Điều 14, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình. |

II. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính	Thành tiền (đồng)	Giá trị phê duyệt tại QĐ số 2105/QĐ- UBND ngày 17/6/2026	Chênh lệch	Lý do chênh lệch
1	Nguyễn Văn Trường					226.742.200	221.265.500	5.476.700	
a.	Thông tin người có tài sản bị ảnh hưởng trên đất thu hồi của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới								
	Số định danh cá nhân: 044077000081								
	Nơi thường trú: Phường Đồng Hới								
	Số điện thoại: 0943936565								
b.	Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất. <i>Phần tài sản tính hỗ trợ toàn bộ trong và ngoài phạm vi QH nhưng bị ảnh hưởng theo Công văn số 121/KTHT&ĐT ngày 15/01/2025 của phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị phường Đồng Hới, thời điểm tạo lập được xác định tại Công văn số 1164/UBND-KTHT&ĐT ngày 12/3/2026 của UBND phường Đồng Hới.</i>					226.742.200	221.265.500	5.476.700	
-	Nhà một tầng kết cấu tường xây gạch dày 12,5cm, móng trụ BTCT, móng tường xây gạch đá hộc, tường nhà cao 3,2m quét vôi ve màu, mái lợp ngói đóng trần nhựa, nền ốp gạch men 40x40, cửa gỗ đơn giản KT: 13,55m x 3,1m	m2	42,01	3.336.000	100%	140.128.680	135.474.960	4.653.720	Tăng giá trị do điều chỉnh tăng chiều dài của nhà 45cm từ 13,1m thành 13,55m theo các biên bản làm việc ngày 04/8/2026 và 05/8/2026. Các giá trị cộng bù tăng tương ứng theo khối lượng.
+	Cộng chiều cao hơn nhóm nhà quy định 20cm (10cm tăng 32.000 đồng/m2)	m2	42,01	64.000	100%	2.688.320	2.599.040	89.280	
+	Cộng nền lát gạch men ceramic tiết diện 0,16m2	m2	42,01	276.000	100%	11.593.380	11.208.360	385.020	
+	Cộng đóng trần nhựa	m2	42,01	327.000	100%	13.735.635	13.279.470	456.165	
-	Hàng rào xây blo trang trí hoàn thiện đơn giản, xây kín không có ô thoáng cao 1,4m x dài 4,35m	m2	6,09	1.032.000	80%	5.027.904	5.027.904	0	
-	Hàng rào B40 cọc sắt cao 1m	m	4,00	149.000	80%	476.800	476.800	0	
-	Nhà vệ sinh tự hoại, kết cấu móng tường hầm tự hoại xây bằng gạch đá, mái lợp ngói tường quét vôi màu, nền láng xi măng lát gạch men ceramic, xỉ xôm. Đóng trần nhựa. KT:	m2	6,20	4.440.000	80%	22.022.400	22.022.400	0	
+	Cộng đóng trần nhựa	m2	6,20	327.000	80%	1.621.920	1.621.920	0	

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính	Thành tiền (đồng)	Giá trị phê duyệt tại QĐ số 2105/QĐ- UBND ngày 17/6/2026	Chênh lệch	Lý do chênh lệch
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ								
-	Nhà phụ xung quanh xây đơn giản cao <=3m nền láng xi măng, mái lợp 4 lớp: trên lợp ngói, chèn tôn 1 lớp, dưới lợp fibro, ốp trần tôn KT: 5,2m x 3,1m	m2	16,12	1.566.000	80%	20.195.136	20.195.136	0	
+	Cộng chênh lệch mái ngói so với mái tôn	m2	13,44	55.000	80%	591.360	591.360	0	
+	Cộng trần tôn lạnh	m2	16,12	205.000	80%	2.643.680	2.643.680	0	
-	Sân bê tông sạn ngang trên láng xi măng KT: 3,3m x 7,6m	m2	25,08	211.000	80%	4.233.504	4.233.504	0	
-	Mái che lợp tôn, sườn khung sắt, trụ sắt nền láng xi măng KT: 4,45m x 3,1m	m2	13,80	771.000	10%	1.063.595	1.171.149	-107.555	Giảm giá trị do điều chỉnh giảm chiều dài của mái che 45cm từ 4,9m thành 4,45m theo các biên bản làm việc ngày 04/8/2026 và 05/8/2026
-	Cổng sắt loại 1 KT: 2,1m x 2,9m	m2	6,09	1.182.000	10%	719.838	719.838	0	
2	Nguyễn Nguyên Hoàng - Nguyễn Mỹ Hạnh					469.649.200	471.454.700	-1.805.500	
a.	Thông tin người có tài sản bị ảnh hưởng trên đất thu hồi của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới								
	Số định danh cá nhân: 044074014501								
	Nơi thường trú: phường Đồng Hới								
	Số điện thoại: 0912515272								
b.	Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất. <i>Phần tài sản tính hỗ trợ toàn bộ trong và ngoài phạm vi QH nhưng bị ảnh hưởng theo Công văn số 121/KTHT&ĐT ngày 15/01/2025 của phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị phường Đồng Hới, thời điểm tạo lập được xác định tại Công văn số 1164/UBND-KTHT&ĐT ngày 12/3/2026 của UBND phường Đồng Hới và điều chỉnh tại Công văn số 5264/UBND-KTHT&ĐT ngày 03/9/2026 của UBND phường Đồng Hới..</i>					469.649.200	471.454.700	-1.805.500	
	Căn 1 (nhà cũ của chị Hạnh)								
-	Nhà một tầng kết cấu tường xây gạch dày 12,5cm, móng trụ BTCT, móng tường xây gạch đá học, tường nhà cao 3,2m quét vôi ve màu, mái lợp ngói đóng trần nhựa, nền ốp gạch men, cửa gỗ đơn giản KT: 12,65m x 3,1m	m2	39,22	3.336.000	100%	130.821.240	128.235.840	2.585.400	Tăng giá trị do điều chỉnh tăng chiều dài của nhà 25cm từ 12,4m thành 12,65m theo các biên bản làm việc ngày

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính	Thành tiền (đồng)	Giá trị phê duyệt tại QĐ số 2105/QĐ-UBND ngày 17/6/2026	Chênh lệch	Lý do chênh lệch
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ								
+	Cộng chiều cao hơn nhóm nhà quy định 20cm (10cm tăng 32.000 đồng/m ²)	m ²	39,22	64.000	100%	2.509.760	2.460.160	49.600	04/8/2026 và 05/8/2026. Các giá trị cộng bù tăng tương ứng theo khối lượng.
+	Cộng nền lát gạch men ceramic	m ²	39,22	276.000	100%	10.823.340	10.609.440	213.900	
+	Cộng đóng trần nhựa	m ²	39,22	327.000	100%	12.823.305	12.569.880	253.425	
-	Nhà trụ BTCT, mái lợp fibro có xây xung quanh, cao 3m nền láng xi măng KT: 4,65m x 3,1m (có 1,5m x 3,1m nền lát gạch men 40x40. Ốp trần nhựa lamri).	m ²	14,42	2.126.000	80%	24.517.032	25.835.152	-1.318.120	Giảm giá trị do điều chỉnh giảm chiều dài của nhà 25cm từ 4,9m thành 4,65m theo các biên bản làm việc ngày 04/8/2026 và 05/8/2026. Các giá trị giảm trừ tương ứng theo khối lượng.
+	Cộng chiều cao hơn nhóm nhà quy định 30cm (10cm tăng 32.000 đồng/m ²)	m ²	14,42	96.000	80%	1.107.072	1.166.592	-59.520	
+	Cộng đóng trần nhựa lamri KT: 1,5m x 3,1m	m ²	4,65	327.000	80%	1.216.440	1.216.440	0	
+	Cộng nền lát gạch men KT: 1,5m x 3,1m	m ²	4,65	276.000	80%	1.026.720	1.026.720	0	
	Tài sản trên thửa đất số 4-2 tờ bản đồ số 11 phường Nam Lý (cũ) (DYT)							0	
-	Nhà vệ sinh tự hoại, kết cấu móng tường hầm tự hoại xây bằng gạch đá, mái lợp tôn tường và nền ốp gạch men ceramic, xi xồm. KT1: 1,9m x 2,8m KT2: 3,3m x 1m	m ²	8,62	4.493.000	80%	30.983.728	30.983.728	0	
+	Cộng nền lát gạch men ceramic	m ²	8,62	276.000	80%	1.903.296	1.903.296	0	
-	Cửa sắt có ray kéo KT: 2,5m x 2,6m	m ²	6,50	1.206.000	10%	783.900	783.900	0	
-	Nhà phụ xung quanh xây đơn giản cao <=3m nền đất, mái lợp fibro.	m ²	5,27	1.566.000	80%	6.602.256	825.282	5.776.974	Tăng giá trị do điều chỉnh mức hỗ trợ từ 10% lên 80% do xác định thời điểm xây dựng trước 01/7/2014 theo Công văn số 5264/UBND. Các giá trị cộng bù tăng tương ứng theo tỷ lệ hỗ trợ.
+	Trừ nền láng xi măng	m ²	5,27	- 211.000	80%	-889.576	-111.197	-778.379	
-	Chuồng gà xây blo, mái lợp tôn, nền đất 3,3m x 3,1m	m ²	10,23	516.000	80%	4.222.944	527.868	3.695.076	
	Căn 2 (mua lại của anh Quân)							0	
-	Nhà một tầng kết cấu tường xây gạch dày 12,5cm, móng trụ BTCT, móng tường xây gạch đá hộc, tường nhà cao 3,2m quét vôi ve màu, mái lợp ngói đóng trần nhựa, nền ốp gạch men, cửa gỗ đơn giản KT: 14,9m x 3,1m	m ²	46,19	3.336.000	100%	154.089.840	154.089.840	0	

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính	Thành tiền (đồng)	Giá trị phê duyệt tại QĐ số 2105/QĐ- UBND ngày 17/6/2026	Chênh lệch	Lý do chênh lệch
+	Cộng chiều cao hơn nhóm nhà quy định 20cm (10cm tăng 32.000 đồng/m2)	m2	46,19	64.000	100%	2.956.160	2.956.160	0	
+	Cộng nền lát gạch men ceramic	m2	46,19	276.000	100%	12.748.440	12.748.440	0	
+	Cộng đóng trần nhựa	m2	46,19	327.000	100%	15.104.130	15.104.130	0	
-	Nhà trụ BTCT, mái lợp tôn lạnh có xây xung quanh, cao 3,15m nền láng xi măng KT: 5,1m x 3,1m	m2	15,81	2.126.000	10%	3.361.206	26.889.648	-23.528.442	Giảm giá trị do điều chỉnh mức hỗ trợ từ 80% xuống 10% do xác định thời điểm xây dựng sau 01/7/2014 theo Công văn số 5264/UBND. Các giá trị giảm trừ tương ứng theo tỷ lệ hỗ trợ.
+	Cộng chênh mái tôn chống nóng (tương đương xốp trần)	m2	15,810	123.000	10%	194.463	1.555.704	-1.361.241	
+	Cộng chiều cao hơn nhóm nhà quy định 45cm (10cm tăng 32.000 đồng/m2)	m2	15,81	144.000	10%	227.664	1.821.312	-1.593.648	
-	Nhà vệ sinh tự hoại, kết cấu móng tường hầm tự hoại xây bằng gạch đá, mái lợp ngói tường quét vôi màu, nền lát gạch men ceramic, xi xôm. KT: 2,8m x 3,1m	m2	8,68	4.440.000	80%	30.831.360	30.831.360	0	
-	Cửa cuốn ngang 2,5m x 2,7m	m2	6,75	2.310.000	10%	1.559.250	1.559.250	0	
-	Nhà phụ xung quanh xây đơn giản cao <=3m nền đất, mái lợp fibro KT: 2,9m x 3,1m	m2	8,99	1.566.000	80%	11.262.672	1.407.834	9.854.838	Tăng giá trị do điều chỉnh mức hỗ trợ thành 80% do xác định thời điểm xây dựng trước 01/7/2014 theo Công văn số 5264/UBND. Các giá trị cộng bù tăng tương ứng theo tỷ lệ hỗ trợ.
+	Trừ nền láng xi măng	m2	8,99	- 211.000	80%	-1.517.512	-189.689	-1.327.823	
-	Sân bê tông sạn ngang trên láng xi măng KT1: 5,2m x 3,1m KT2: 2,5m x 3,1m	m2	23,87	211.000	80%	4.029.256	503.657	3.525.599	Tăng giá trị do điều chỉnh mức hỗ trợ thành 80% do xác định thời điểm xây dựng trước 01/7/2014 theo Công văn số 5264/UBND (phần KT2 chỉ điều chỉnh thời điểm xây dựng đối với kích thước 2,5m x 3,1m; phần 4,8m x 3,1m giữ nguyên thời điểm tạo lập)
-	KT2: 4,8m x 3,1m	m2	14,88	211.000	10%	313.968	313.968	0	
-	Bổ sung sân bê tông sạn ngang trên láng xi măng 10m2 (mua lại của chị Loan)	m2	10,00	211.000	80%	1.688.000		1.688.000	Bổ sung hỗ trợ theo các biên bản làm việc ngày 04/8/2026 và 05/8/2026 và thời điểm xây dựng theo Công văn số 5264/UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính	Thành tiền (đồng)	Giá trị phê duyệt tại QĐ số 2105/QĐ- UBND ngày 17/6/2026	Chênh lệch	Lý do chênh lệch
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ								
-	Mưng Ø30cm	cây	1,00	2.740.000	100%	2.740.000	2.740.000	0	
-	Mưng Ø25cm	cây	1,00	1.090.000	100%	1.090.000	1.090.000	0	
-	Huê Ø5cm	cây	4,00	129.700	100%	518.800	0	518.800	Bổ sung giá trị còn thiếu do chưa được cộng trong phương án đã phê duyệt
3	Nguyễn Thị Thu					226.740.000	213.536.600	13.203.400	
a.	Thông tin người có tài sản bị ảnh hưởng trên đất thu hồi của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới								
	Số định danh cá nhân: 044178002846								
	Nơi thường trú: phường Đồng Hới								
	Số điện thoại: 0914365936								
b.	Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất. <i>Phần tài sản tính hỗ trợ toàn bộ trong và ngoài phạm vi QH nhưng bị ảnh hưởng theo Công văn số 121/KTHT&ĐT ngày 15/01/2025 của phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị phường Đồng Hới, thời điểm tạo lập được xác định tại Công văn số 1164/UBND-KTHT&ĐT ngày 12/3/2026 của UBND phường Đồng Hới và điều chỉnh tại Công văn số 5264/UBND-KTHTĐT ngày 03/9/2026 của UBND phường Đồng Hới..</i>					226.740.000	213.536.600	13.203.400	
-	Nhà một tầng kết cấu tường xây gạch dày 12,5cm, móng trụ BTCT, móng tường xây gạch đá học, tường nhà cao 3,2m quét vôi ve màu, mái lợp ngói đóng trần tôn lạnh, nền lát gạch men ceramic 50x50, cửa gỗ đơn giản KT: 15,6m x 3,2m	m2	49,92	3.336.000	100%	166.533.120	166.533.120	0	
+	Cộng chiều cao hơn nhóm nhà quy định 20cm (10cm tăng 32.000 đồng/m2)	m2	49,92	64.000	100%	3.194.880	3.194.880	0	
+	Cộng nền lát gạch men ceramic tiết diện >0,16m2	m2	49,92	326.000	10%	1.627.392	1.627.392	0	
+	Cộng trần tôn lạnh	m2	49,92	205.000	100%	10.233.600	10.233.600	0	
-	Nhà vệ sinh tự hoại, kết cấu móng tường hầm tự hoại xây bằng gạch đá, mái lợp fibro, tường quét vôi màu, nền lát gạch men ceramic, tường ốp gạch men ceramic, xi xồm. KT: 2m x 3,2m	m2	6,40	4.493.000	80%	23.004.160	23.004.160	0	

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính	Thành tiền (đồng)	Giá trị phê duyệt tại QĐ số 2105/QĐ- UBND ngày 17/6/2026	Chênh lệch	Lý do chênh lệch
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ								
-	Trừ chênh lệch mái lợp tôn và fibro. Áp dụng chênh lệch giữa đơn giá mái tôn và mái fibro tại mục B.VI.45.9 và mục B.VI.45.15: 255.000đ/m ² - 168.000đ/m ² = 87.000đ/m ²	m ²	6,40	- 87.000	80%	-445.440	-445.440	0	
-	Sân bê tông sạn ngang trên lán xi măng KT: 5,2m x 3,2m	m ²	16,64	211.000	80%	2.808.832	2.808.832	0	
-	Nhà trụ BTCT, mái lợp tôn lạnh có xây xung quanh, cao 3m nền lán xi măng KT: 4,9m x 3,2m (có 2,35mx3m lát gạch men ceramic 50x 50).	m ²	15,68	2.126.000	10%	3.333.568	3.333.568	0	
+	Cộng chiều cao hơn nhóm nhà quy định 30cm (10cm tăng 32.000 đồng/m ²)	m ²	15,68	96.000	10%	150.528	150.528	0	
+	Cộng chênh lệch mái tôn chống nóng (tương đương trần xốp)	m ²	15,68	123.000	10%	192.864	192.864	0	
+	Cộng nền lát gạch men ceramic KT: 2,35m x 3m	m ²	7,05	326.000	10%	229.830	229.830	0	
-	Cửa sắt loại 1 KT: 1,55m x 2,3m	m ²	3,57	1.182.000	10%	421.383	421.383	0	
-	Nhà phụ xung quanh xây đơn giản cao 2,1m nền lát gạch men ceramic, mái lợp fibro KT: 5,2m x 3,2m (trừ diện tích nhà vệ sinh)	m ²	10,24	1.566.000	80%	12.828.672	1.603.584	11.225.088	Điều chỉnh mức hỗ trợ thành 80% do xác định thời điểm xây dựng trước 01/7/2014 theo Công văn số 5264/UBND. Các giá trị cộng bù tăng tương ứng theo tỷ lệ hỗ trợ.
+	Cộng nền lát gạch men ceramic	m ²	10,24	276.000	80%	2.260.992	282.624	1.978.368	
-	Tấm đan BTCT KT: 1,6m x 0,6m x 0,15m	m ³	0,144	6.830.000	10%	98.352	98.352	0	
-	Đỉnh lán cây >1 năm (cao 0,5m)	bụi	9,00	29.700	100%	267.300	267.300	0	
	TỔNG CỘNG							16.874.600	
	GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT								
	GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ TÀI SẢN							16.874.600	
	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ								

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT